

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Đinh Công Trường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 458/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXX-ST ngày 28/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST – HNGĐ ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 2, thôn H, xã H1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 2, thôn H, xã H1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Ánh T trình bày:

Bà T xây dựng gia đình với Ông Huỳnh Văn L vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 13/12/2006.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không chăm lo kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nên đời sống chung không hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Nay bà T xác định không

còn tình cảm với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Tuyết M, sinh ngày 16/7/2007 và Huỳnh Tuyết N, sinh ngày 10/11/2015.

Từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, nay bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Huỳnh Văn L theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P.

Ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông L theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Lê Thị Ánh T và ông Huỳnh Văn L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà T, ông L: Bà T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông L thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn để ổn định kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên bà T đã sống ly thân với ông L từ năm 2018 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được triệu tập để tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng ông L vắng mặt không có lý do và cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông L.

Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Tuyết M, sinh ngày 16/7/2007 và Huỳnh Tuyết N, sinh ngày 10/11/2015. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét nguyện vọng nuôi con của bà T thấy: Từ khi bà T và ông L sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông L không cấp dưỡng nuôi con, quá trình nuôi dưỡng bà luôn đảm bảo cho các cháu có cuộc sống tốt cụ thể các cháu đang phát triển bình thường về mọi mặt, được đi học ổn định. Cháu M có nguyện vọng được sống với mẹ, đối với cháu N còn nhỏ cũng cần sự chăm sóc của bà T. Do đó, để đảm bảo cháu M và cháu N có được sự chăm sóc tốt nhất để phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cần giao 02 cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Ánh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh T đối với ông Huỳnh Văn L về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ánh T được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Huỳnh Văn L giao cháu Huỳnh Thị Tuyết M, sinh ngày 16/7/2007 và Huỳnh Tuyết N, sinh ngày 10/11/2015 cho bà Lê Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Huỳnh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ánh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005612 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Lê Thị Ánh T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND xã H1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền

